

VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

TS. NGUYỄN ĐÌNH LIÊM

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Biển Đông bước sang thế kỷ XXI trước triển vọng bất đầu một thời kỳ mới hoà bình, ổn định và hợp tác trong quan hệ Việt - Trung khi “Hiệp định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ giữa nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”; “Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” được ký kết vào thời điểm cuối cùng của thế kỷ XX. Cùng thời điểm đó, “Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” đã được tuyên bố.

Thực tế đã diễn ra trong những năm qua cho thấy, tuy xu thế chung là hoà bình ổn định vẫn được duy trì, nhưng tình hình Biển Đông diễn biến rất phức

tạp, ẩn chứa những nguy cơ trong quan hệ quốc tế nói chung cũng như trong quan hệ Việt - Trung nói riêng.

Về vấn đề Biển Đông, bản Tuyên bố chung Việt - Trung năm 2000 nói rõ: “Hai bên cam kết sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các thoả thuận liên quan đã ký kết giữa hai nước, tích cực hợp tác, nỗ lực xây dựng biên giới hai nước thành biên giới hoà bình hữu nghị, ổn định lâu dài. Hai bên khẳng định tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hoà bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dễ trước khó sau, hai bên tích cực bàn bạc, tìm kiếm khả năng và giải pháp triển khai hợp tác trên biển trong các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường biển, khí tượng, thuỷ văn, phòng chống thiên tai. Đồng thời hai bên đều không tiến hành các hoạt động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ sử

dụng vũ lực. Hai bên cần bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước”⁽¹⁾.

Những cam kết của hai bên Việt - Trung liên quan đến vấn đề Biển Đông bước đầu đã được thực hiện. Trong những năm qua Biển Đông đã duy trì được cục diện hoà bình. Hợp tác kinh tế Việt - Trung trong Vịnh Bắc Bộ đã được triển khai. Mặt khác thực tiễn 10 năm qua cũng cho thấy việc thực hiện cam kết của hai bên Việt - Trung liên quan đến vấn đề Biển Đông thật không dễ dàng, và cho tới nay quan hệ Việt - Trung trong vấn đề Biển Đông vẫn đứng trước những khó khăn phức tạp, đòi hỏi hai bên phải tiếp tục nỗ lực tăng cường hợp tác, phát huy những thành quả đã đạt được và khắc phục những trở ngại trong quan hệ giữa hai nước.

Hai Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hợp tác nghề cá được ký ngày 25-12-2000, nhưng phải mất 3 năm đàm phán hết sức căng thẳng, ngày 27-1-2004 Nghị định thư bổ sung Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ mới được ký kết, và hai Hiệp định được ký kết nói trên đến ngày 30-6-2004 mới bắt đầu có hiệu lực. Từ đó tới nay, tuy hoà bình vẫn được duy trì, nhưng ổn định thì thường bị ảnh hưởng bởi nhiều vấn đề bất đồng nảy sinh trong quan hệ giữa hai nước về vấn đề Biển Đông.

Về hợp tác phát triển, trong chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Phan Văn Khải tháng 5-2004 và chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ôn Gia Bảo tháng 10-2004 lãnh đạo hai Chính phủ đã đạt được thoả thuận về “Chiến lược hợp tác quốc tế Trung - Việt” theo mô hình “Hai hành lang một vành đai”. Từ năm 2006, phía Trung Quốc lại đề xuất ý tưởng hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN theo mô hình “Một trục hai cánh” trong đó “hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng” có vai trò đặc biệt quan trọng. Lồng ghép hai mô hình hợp tác kinh tế Trung - Việt và hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN, tạo điều kiện cho hai nước Trung Quốc và Việt Nam tìm ra phương thức hợp tác song phương khai thác Biển Đông có hiệu quả hơn.

Kinh nghiệm 10 năm đầu thế kỷ XXI cho thấy vấn đề giải quyết tranh chấp chủ quyền và vấn đề hợp tác phát triển thường tác động lẫn nhau, giải quyết tốt vấn đề này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết vấn đề kia, và ngược lại. Trong 10 năm qua, nói chung lãnh đạo hai nước đã cố gắng “bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh xây dựng không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước” như đã cam kết trong “Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới”. Năm 2010, “Năm Hữu nghị Việt - Trung” (nhân kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt - Trung) đã để lại những dấu ấn tốt đẹp

trong quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Trong 10 năm tới, tình hình hai nước Việt - Trung, tình hình khu vực và quốc tế sẽ tiếp tục có những thay đổi to lớn và sâu sắc, vấn đề Biển Đông trong quan hệ Việt - Trung cũng như trong quan hệ khu vực và quốc tế chắc chắn sẽ có nhiều diễn biến quan trọng và phức tạp. Trước tình hình mới, lãnh đạo và học giả hai nước cần có sự nghiên cứu rút kinh nghiệm từ 10 năm qua, đưa quan hệ Việt - Trung trong vấn đề Biển Đông sang giai đoạn mới, bảo đảm hoà bình, ổn định, tạo điều kiện cho hợp tác phát triển giữa hai nước và trong khu vực.

1. Nhìn lại quan hệ Việt - Trung trong tranh chấp chủ quyền Biển Đông từ năm 2001 đến nay

Trước hết cần khẳng định “Hiệp định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ giữa nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”, “Hiệp định nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” được ký kết ngày 25-12-2000 đã đánh dấu một giai đoạn mới trong quá trình giải quyết tranh chấp Biển Đông và hợp tác khai thác Biển Đông giữa hai nước.

Vịnh Bắc Bộ trong lịch sử chưa bao giờ được phân định chủ quyền. Do vậy “Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong

Vịnh Bắc Bộ giữa nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa” được ký kết là một sự kiện lịch sử quan trọng trong quan hệ giữa hai nước. Quá trình đi tới kết quả này cũng không phải dễ dàng đơn giản. Trong 10 năm (1991 - 2000), trải qua 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên Nhóm công tác liên hợp, 9 vòng họp không chính thức Tổ chuyên viên liên hợp, 10 vòng họp Tổ chuyên gia đo vẽ phục vụ phân định và xây dựng tổng đồ Vịnh Bắc Bộ, v.v... mới đi tới việc ký kết Hiệp định, và sau hơn 3 năm rưỡi, tới ngày 30-6-2004 Hiệp định mới có hiệu lực. Phía Trung Quốc đã kiên quyết đề nghị ký kết một Hiệp định về hợp tác nghề cá, coi đó là điều kiện tiên quyết để ký Hiệp định phân giới Vịnh Bắc Bộ. Những gì diễn ra trong thời gian đó chứng tỏ vấn đề Biển Đông trong quan hệ Việt - Trung thật không đơn giản, nhưng nếu hai bên có thiện chí và quyết tâm thì vẫn có thể giải quyết được.

Hiệp định về phân định trong Vịnh Bắc Bộ phù hợp với lập trường của Việt Nam cũng như xu hướng chung của quốc tế trong việc sử dụng đường biên giới đơn nhất cho cả thềm lục địa và đặc quyền kinh tế với các khu vực có bề rộng không quá 400 hải lý. Hiệp định đã quy định đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ, được xác định bằng 21 điểm có toạ độ địa lý xác

định, nối liền tự với nhau bằng các đoạn thẳng. Đường phân định đã dành cho Việt Nam phần diện tích lớn hơn Trung Quốc khoảng 8000 km² (với tỷ lệ 1,135:1), đó là một kết quả công bằng và có thể chấp nhận. Việc Quốc hội hai nước hơn 3 năm sau mới phê chuẩn để Hiệp định có hiệu lực, không phải do bản thân Hiệp định này, mà là do Hiệp định này gắn liền với Hiệp định hợp tác nghề cá gây tranh cãi trong quá trình soạn thảo Nghị định thư.

Từ sau ngày Hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ được ký kết và có hiệu lực, tuy có nảy sinh những vấn đề va chạm quy mô nhỏ, nhưng nhìn chung hoà bình và ổn định trong quan hệ giữa hai nước đã được duy trì, tạo điều kiện cho hợp tác kinh tế Việt - Trung trong “Vành đai” Vịnh Bắc Bộ.

Vấn đề chủ yếu hiện nay là Biển Đông nói chung, với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc chiếm toàn bộ từ năm 1974. Quần đảo Trường Sa hiện nay không phải là vấn đề tranh chấp song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc, mà là vấn đề tranh chấp đa phương giữa 5 nước 6 bên: Việt Nam, Trung Quốc, Philipin, Malaysia, Brunei và Đài Loan. Tuy nhiên hoà bình ổn định trên Biển Đông còn liên quan đến lợi ích của nhiều quốc gia, kể cả Mỹ, Nhật... nhưng trước hết là các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Hợp tác vì an ninh và phát triển giữa các quốc gia ven bờ Biển Đông là một nhu

cầu quan trọng và là xu thế tất yếu trong quan hệ giữa các nước đó. Bởi lẽ trong một thời gian còn rất dài, vấn đề tranh chấp chủ quyền sẽ chưa thể giải quyết được (qua thương lượng nội bộ hoặc qua Tòa án quốc tế, vì Trung Quốc tuyên bố “chủ quyền không thể bàn cãi” trong khi các quốc gia khác coi chủ quyền của mình ở Biển Đông có ý nghĩa chiến lược không thể thoả hiệp được). Trong khi đó, hoà bình và ổn định Biển Đông không những là lợi ích sống còn của các nước ven bờ, mà còn liên quan đến lợi ích của các nước khác như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ... về tự do hàng hải và thương mại quốc tế. Các nhà lãnh đạo ngoại giao và quân sự Hoa Kỳ gần đây đã đặc biệt nhấn mạnh “lợi ích quốc gia” của họ tại Biển Đông. Trong bối cảnh đó, hợp tác vì an ninh và phát triển ở Biển Đông không những phù hợp với lợi ích của các quốc gia mà còn có lợi cho hoà bình và ổn định của khu vực.

Tuyên bố Phnom Penh giữa ASEAN và Trung Quốc năm 2002 về ứng xử giữa các bên ở Biển Đông (gọi tắt là DOC) là một nỗ lực nhằm duy trì hiện trạng, duy trì hoà bình ổn định để hợp tác phát triển ở Biển Đông trong khi chưa có một bộ luật về ứng xử của các bên trên Biển Đông có tính ràng buộc về pháp lý. Bản Tuyên bố khẳng định “Các bên liên quan tham gia để giải quyết các tranh chấp và lãnh thổ bằng các biện pháp hoà bình, không dựa trên đe dọa, hay sử dụng vũ lực, thông qua trao đổi thân thiện và

đàm phán giữa các quốc gia trực tiếp liên quan, dựa theo những nguyên tắc được cả thế giới công nhận của luật quốc tế, bao gồm cả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982¹. DOC cam kết “tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông” và “tự hạn chế thực hiện các hoạt động có thể làm phức tạp, hoặc gia tăng tranh chấp, ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định...”. Kể từ khi Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 được ký kết, đã không xảy ra vụ xung đột quân sự nào giữa các bên nhằm tranh giành chủ quyền biển đảo. Mặc dầu tuyên bố đó không có tính ràng buộc về pháp lý, và việc “xây dựng lòng tin” giữa các bên vẫn còn hạn chế, nhưng việc duy trì hoà bình ổn định tương đối đã tạo bối cảnh cho hợp tác an ninh và phát triển giữa các nước trong khu vực có những tiến triển nhất định.

Vấn đề là cho tới nay DOC vẫn chưa có một bản hướng dẫn thực hiện cụ thể. Mọi người cũng đang hy vọng đạt tới một Bộ luật ứng xử của các bên trên Biển Đông (COC) giữa ASEAN và Trung Quốc có tính ràng buộc về pháp lý, các bên tham gia phải tuân thủ.

Ý nghĩa của DOC cần được khẳng định, nhưng cũng phải thấy rằng việc thực hiện DOC thật không dễ dàng. Từ năm 2009 các cuộc thảo luận về việc thực hiện DOC đã đi vào bế tắc do Trung Quốc chủ trương chỉ thương lượng song phương mà không muốn bàn bạc đa phương với ASEAN².

Trong thời gian từ khoảng cuối năm 2007 đến nay Trung Quốc đã thực hiện một loạt những hoạt động làm cho tình hình an ninh khu vực Biển Đông xấu đi, và quan hệ Trung - Việt trở nên căng thẳng hơn. Có thể nêu ra một số sự kiện đáng chú ý nhất sau đây:

- Trung Quốc đã phái tàu “Ngư Chính” xuống Biển Đông, nói là để tăng cường quản lý nghề cá, thực tế là để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

- Lực lượng tuần tiễu quân sự của Trung Quốc gây sức ép để các công ty năng lượng nước ngoài (BP của Anh, Exxon Mobil của Mỹ...) ngừng hoạt động hợp tác thăm dò khai thác dầu khí với Việt Nam.

- Thành lập huyện đảo “Tam Sa” thuộc tỉnh Hải Nam, trực tiếp quản lý ba quần đảo, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhằm hợp pháp hoá về mặt hành chính chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo đó.

- Đơn phương tuyên bố lệnh cấm bắt cá ở một số vùng trong khu vực Biển Đông. Ngày càng gia tăng xua đuổi, bắt giữ tàu cá, tịch thu lưới cụ, đòi tiền chuộc đối với ngư dân Việt Nam..., khi họ đang lao động trong vùng đánh bắt cá truyền thống lâu đời và yên lành của họ.

- Đáng chú ý hơn là tháng 5 năm 2009 Trung Quốc đã phản ứng quyết liệt sau khi Việt Nam và Malaixia đệ trình lên “Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa” của Liên hợp quốc yêu sách chung về thềm

lục địa ở Biển Đông. Nhân cơ hội này, lần đầu tiên Trung Quốc đã trình lên Liên hợp quốc một văn bản chính thức về yêu sách chủ quyền đối với vùng “lưỡi bò”, chiếm khoảng 80% diện tích Biển Đông và bao trọn hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Trung Quốc luôn tuyên bố chủ trương giải quyết vấn đề tranh chấp Biển Đông bằng cơ chế đàm phán song phương, phản đối giải quyết qua cơ chế đàm phán đa phương.

- Trong năm Việt Nam làm Chủ tịch luân phiên ASEAN, Trung Quốc đã tăng sức ép ngoại giao để vấn đề Biển Đông nằm ngoài các chương trình nghị sự Hội nghị cấp cao ASEAN 17 và các Hội nghị liên quan.

- Chỉ trong năm 2010, nhằm tăng sức ép quân sự với các bên có liên quan đến tranh chấp Biển Đông, Trung Quốc đã tiến hành 4 cuộc tập trận quy mô lớn ven bờ biển:

Thứ nhất, đầu tháng 4-2010, Hải quân Trung Quốc đã huy động 16 tàu chiến từ các hạm đội Bắc Hải, Đông Hải, Nam Hải phối hợp hành quân di chuyển ven bờ biển Trung Quốc từ Bắc xuống Nam, diễn tập bắn đạn thật, và tác chiến chống tàu ngầm của kẻ địch giả định tấn công Trung Quốc. Các tàu chiến tham gia tập trận của hải quân Trung Quốc đã vượt qua vùng biển Okinawa, tiến đến eo biển Malacca, (trước đó chỉ có hạm đội Nam Hải hoạt động ở Biển Đông). Cuộc tập trận này chứng tỏ Trung Quốc đã tăng

cường lực lượng hải quân, có sự phối hợp với không quân, có thể vươn tới Trường Sa và những mục tiêu xa hơn nữa.

Thứ hai, vào đầu tháng 7-2010 Trung Quốc tổ chức cuộc tập trận thứ hai nhằm phản ứng lại cuộc tập trận chung Mỹ - Hàn ở biển Hoàng Hải sau sự kiện tàu chiến Cheonan của Hàn Quốc bị đánh đắm. Các tàu chiến tham gia tập trận chống tàu ngầm, trong khi các máy bay cất cánh từ đất liền tiến hành các đợt ném bom.

Thứ ba, vào cuối tháng 7-2010, Trung Quốc tiếp tục tổ chức cuộc tập trận thứ ba với quy mô chưa từng có, đó là cuộc tập trận phối hợp giữa ba hạm đội Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải, đặc biệt có sự tham gia của Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương Từ Tài Hậu và Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Trung Quốc Trần Bình Đức. Cuộc tập trận đã huy động các tàu chiến hiện đại nhất và thực hiện phóng tên lửa thật.

Thứ tư, vào ngày 2-11-2010 Trung Quốc tổ chức cuộc tập trận thứ tư được gọi là Giao Long 2010 tại Biển Đông với sự tham gia của hơn 100 tàu chiến, tàu ngầm, với sự phối hợp của lực lượng không quân.

- Tháng 8-2010, tàu lặn của Trung Quốc cũng đã cắm cờ Trung Quốc xuống đáy Biển Đông để chứng minh chủ quyền.

Nghiêm trọng hơn cả, trong những tháng gần đây của năm 2011 Trung Quốc tăng cường gây hấn trên Biển Đông, làm cho tình hình khu vực bước

vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI hết sức phức tạp.

- Đối với Philippin, trong chưa đầy 4 tháng đầu năm 2011 tàu Trung Quốc đã 7 lần xâm nhập lãnh hải và tấn công tàu của Philippin. Đặc biệt ngày 31-5, Bộ Ngoại giao Philippin đã phải triệu tập đại diện Đại sứ quán Trung Quốc để phản đối việc tàu Hải giám, tàu hải quân Trung Quốc dỡ vật liệu xây dựng một số cột trụ và thả phao ở vị trí - bãi cỏ rong, nằm phía Tây Nam Reed Bank trong phạm vi vùng đặc quyền 200 hải lý của Philippin.

- Đối với Malaixia, trong các ngày 29 đến 30-4 các tàu Ngư chính của Trung Quốc đã đối đầu với tàu chiến và máy bay của Malaixia khi đi vào vùng đặc quyền kinh tế thuộc lãnh hải Malaixia, buộc các khẩu pháo của tàu chiến Malaixia phải chia thắng vào tàu Ngư chính 311.

- Đối với Việt Nam, những tháng gần đây tàu Trung Quốc liên tục xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam để đánh cá, có ngày lên tới 200 tàu ngang nhiên xâm phạm. Đồng thời liên tục bắt giữ tàu, ngư dân, tịch thu ngư cụ, hải sản và đòi tiền chuộc đối với ngư dân Việt Nam đang đánh bắt tại vùng biển truyền thống của Việt Nam. Hành động đặc biệt nghiêm trọng do phía Trung Quốc gây ra là: Ngày 26-5-2011, giữa lúc tàu Bình Minh 02 thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang khảo sát địa chấn tại lô 148 trong phạm vi thềm lục địa và

vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam thì bị 3 tàu Hải giám mang số 72, 17, 84 của Trung Quốc tấn công. Tàu Trung Quốc đã cắt đứt cáp thăm dò của tàu Việt Nam và sau đó tiếp tục đe dọa; chưa dừng lại ở đó, ngày 9-6 vào lúc 6 giờ sáng, tàu Viking 2 do PetroVietnam thuê đang tiến hành hoạt động thăm dò thì bị tàu cá Trung Quốc mang biển hiệu 6226 lao vào tuyến cáp và bộ phận cáp thông dụng đã bị mắc vào tuyến cáp của Viking 2 khiến tàu thăm dò của Việt Nam không thể hoạt động bình thường. Hai tàu Ngư chính 311 và 303 cùng một số tàu cá khác của Trung Quốc sau đó đã tiến vào giải cứu tàu 6226.

Những sự kiện nêu trên thật sự đã làm cho việc giải quyết vấn đề Biển Đông đứng trước nhiều trở ngại:

Một là, vấn đề chủ quyền. Đây là điều kiện tiên quyết để giải quyết vấn đề tranh chấp biển đảo. Các bên tranh chấp đều tuyên bố sẵn sàng giải quyết các tranh chấp về đảo trên cơ sở Luật quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Nhưng Công ước chỉ quy định các cơ chế giải quyết các tranh chấp biển, mà không có điều khoản nào đề cập đến việc giải quyết các tranh chấp chủ quyền đối với các đảo ngoài khơi. Vấn đề tranh chấp quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cũng không thể đưa Tòa án quốc tế phán quyết, vì theo nguyên tắc chỉ một nước không đồng thuận, Tòa án sẽ không có thẩm quyền. Trên thực tế hiện nay chính phủ các nước

có tranh chấp khó có thể đồng thuận để đưa tranh chấp ra trước Tòa án quốc tế. *Điều quan trọng là Trung Quốc không muốn đưa vấn đề ra Tòa án quốc tế.*

Hai là, về “đường lưỡi bò” 9 đoạn do Trung Quốc đưa ra. Hiện nay Trung Quốc và Đài Loan đều cho rằng đây là đường biên giới truyền thống trong biển Nam Hải (Biển Đông), tất cả các đảo và vùng biển trong phạm vi đường lưỡi bò (chiếm khoảng 80% diện tích Biển Đông) đều thuộc chủ quyền Trung Quốc. Các học giả Trung Quốc và Đài Loan cho rằng “đường lưỡi bò” đã được quốc tế công nhận và các nước Đông Nam Á khác đều không đưa ra ý kiến phản đối. Thực tế không phải như vậy, “đường lưỡi bò” được Chính phủ Trung Hoa Dân quốc lần đầu tiên đưa ra vào năm 1946 không có căn cứ, và gần đây ngày 7-5-2009 chính thức có trong hồ sơ gửi Liên hợp quốc của Trung Quốc. Trên thực tế thì từ năm 1946, Pháp và sau đó là chính quyền Việt Nam Cộng hoà đã đưa tàu và quân đội đóng giữ các đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phía Trung Quốc lập luận rằng “đường lưỡi bò” là vùng nước lịch sử đặc biệt, Trung Quốc có một số quyền ưu tiên về hàng hải, đánh cá và khai thác tài nguyên. Lập luận đó không thể thuyết phục được cộng đồng quốc tế. Công ước Luật Biển 1982 cũng không đề cập đến “vùng nước lịch sử”.

Ba là, quy chế về đảo. Hiện quốc tế cũng chưa đưa ra được con số thống nhất các đảo, đá, bãi cạn nửa nổi nửa chìm ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa

trên Biển Đông (khoảng 200 hoặc hơn 200). Điều thống nhất là hầu hết các đảo, đá, bãi cạn đó đều không thích hợp cho con người đến ở. Quân đội đồn trú trên các đảo, đá, bãi đó thường phải có những công trình xây dựng đặc biệt. Công ước Luật Biển năm 1982 cũng không đưa ra một định nghĩa rõ ràng về đá, dẫn tới những giải thích khác nhau về đảo, đá. Quy chế đảo ảnh hưởng trực tiếp đến các vấn đề phân định biển giữa các đảo và các lãnh thổ đất liền xung quanh. Do sự đan xen chiếm đóng, nếu các đảo đá chỉ có vùng biển 12 hải lý thì đã có hàng trăm trường hợp phải phân định ranh giới giữa chúng với nhau. Tình hình càng phức tạp khi cho các đảo, đá có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng. Yêu sách của Trung Quốc là các vùng biển phụ cận của quần đảo Trường Sa mở rộng vào cả vùng đặc quyền kinh tế của thềm lục địa và thềm lục địa tính từ bờ biển đất liền của các quốc gia khác xung quanh Biển Đông.

Bốn là, về chủ nghĩa dân tộc. Một số người có tư tưởng dân tộc cực đoan ở Trung Quốc đã lợi dụng vấn đề tranh chấp Biển Đông để tung ra những luận điệu làm tổn hại quan hệ giữa các quốc gia có tranh chấp, nhất là quan hệ Trung - Việt. Những hành vi của các nhà chức trách Trung Quốc trong việc bắt giữ, bắn giết ngư dân Việt Nam cũng đã gây trở ngại cho việc giải quyết hoà bình, thân thiện giữa các bên trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh do tranh chấp

Biển Đông. Gần đây lại xuất hiện vấn đề Trung Quốc đưa ra yêu sách có tính nguyên tắc về “lợi ích cốt lõi”. Biển Đông có nằm trong phạm vi “lợi ích cốt lõi” theo quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc hay không? Đó là một vấn đề tế nhị mà nhiều người đang tranh luận.

“Lợi ích cốt lõi” được các văn kiện chính thức của Trung Quốc giải thích là “chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ...”. Tuy chưa có văn kiện chính thức nào của Trung Quốc nói rõ Biển Đông thuộc “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc nhưng quan niệm không thành văn của lãnh đạo Trung Quốc là như vậy, và văn kiện đó có lúc đã để lộ trong một số phát biểu của người Trung Quốc, mặc dầu gần đây Trung Quốc muốn phủ nhận điều đó. Giáo sư Carlyle A. Thayer, Học viện Quốc phòng Australia cho biết: “Sự áp đặt của Trung Quốc ở Biển Đông đã dẫn đến mối quan ngại đặc biệt. Vào tháng 3/2010, báo chí Mỹ đã đưa tin rằng các quan chức Trung Quốc đã phát biểu với hai đặc phái viên cao cấp của văn phòng Chính phủ rằng Biển Đông đã được nâng thành “lợi ích cốt lõi” cùng với Đài Loan và Tây Tạng, và Trung Quốc sẽ không chấp nhận bất kỳ can thiệp nào ở Biển Đông. Các quan chức Trung Quốc đã phát biểu lại nội dung này trong các cuộc tiếp xúc kín với các quan chức ngoại giao nước ngoài, và thuật ngữ “lợi ích cốt lõi” được sử dụng trong các bản tin báo chí Trung Quốc. Những phát biểu này đã tạo ra mức độ quan ngại mới về tham vọng chiến lược của Bắc Kinh ở Biển Đông. Sau đó các

quan chức Bắc Kinh rút lui và bây giờ là phủ nhận đã đưa ra phát biểu như vậy. Nếu các nhà lãnh đạo Trung Quốc cam kết nâng Biển Đông thành “lợi ích cốt lõi”, điều đó sẽ ám chỉ rằng Bắc Kinh sẵn sàng sử dụng vũ lực để bảo vệ chủ quyền của mình”³.

Khái niệm “lợi ích cốt lõi” được ủy viên Quốc vụ Trung Quốc Đối Bình Quốc nói rõ trong “Đối thoại chiến lược và kinh tế Trung - Mỹ” lần thứ nhất ngày 28-7-2009 là gồm 3 phương diện: Bảo vệ chế độ và an ninh quốc gia; bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ phát triển ổn định bền vững về kinh tế - xã hội. Như vậy, nếu Trung Quốc coi vùng biển “lưỡi bò” với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc “chủ quyền” Trung Quốc, thuộc “toàn vẹn lãnh thổ” của Trung Quốc, thì theo logic sẽ thuộc “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc. Theo nguồn tin từ phía Mỹ, trong chuyến thăm Trung Quốc của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Steinberg tháng 3-2010, một quan chức Trung Quốc lần đầu tiên tuyên bố coi vấn đề Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, Trung Quốc sẽ không nhân nhượng. Nhưng sau đó Trung Quốc phủ nhận không có tuyên bố chính thức nào đưa Biển Đông vào phạm vi “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc.

Tất cả những gì đã diễn ra cho chúng ta nhận thức được bản chất của vấn đề là Trung Quốc vẫn coi Biển Đông thuộc “lợi ích cốt lõi” của mình. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, chính thức tuyên bố điều đó là không lợi trong quan hệ với

ASEAN và Mỹ. Có thể đó chỉ là một thủ thuật ngoại giao tạm thời hòa hoãn lập trường “không thể nhân nhượng” của Trung Quốc. Cũng có thể Trung Quốc phủ nhận tuyên bố chính thức về “lợi ích cốt lõi” ở Biển Đông để còn chỗ cho khả năng đàm phán sau này với các bên. Nếu như vậy, các bên cũng không cần thiết truy cứu về vấn đề Trung Quốc có chính thức tuyên bố hay không.

Trong thời gian gần đây, một số dư luận thế giới đã nhận định “Trung Quốc mềm mỏng hơn trong lập trường về Biển Đông”. Nhận định ấy đã được thể hiện trong cuộc gặp nhau giữa ASEAN và Trung Quốc tại Côn Minh tháng 12-2010, thảo luận về “Quy tắc ứng xử trong hợp tác an ninh hàng hải”. Một số dư luận coi đây là một động thái “thể hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo hơn” của Trung Quốc. Một số dư luận trong nước Trung Quốc cũng cảnh báo tình trạng căng thẳng trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước xung quanh, và chủ trương cần có sự điều chỉnh trong chính sách đối với các nước châu Á để cải thiện tình hình. Chỉ trong tháng 11-2010 vừa qua, nhiều nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc đã lần lượt đi thăm hữu nghị các nước châu Á. Chính sách của Trung Quốc trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông do đó cũng có phần mềm mỏng hơn. Nhưng mục tiêu chiến lược và lập trường nguyên tắc của Trung Quốc về vấn đề này vẫn chưa thay đổi. Trung Quốc vẫn chưa chịu thông qua đàm phán đa phương để giải quyết vấn đề tranh

chấp Biển Đông. Cuối tháng 11 vừa qua, Đại sứ Trung Quốc Trương Khởi Nguyệt đã phát biểu tại Giacarta (Indonexia) rằng: “Các tranh chấp chỉ có thể giải quyết giữa các quốc gia có tuyên bố chủ quyền với Trung Quốc trên cơ sở song phương”⁴.

Sự “trở lại châu Á”, trở lại “Đông Nam Á” của Mỹ dưới chính quyền B.Obama, cũng có nghĩa là sự “trở lại Biển Đông”. Sự “trở lại” đó đã được thể hiện mạnh mẽ trong phát biểu của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R.M.Gates tại đối thoại Shangri-La lần thứ 9 ở Singapore: “Biển Đông là một khu vực đang thu hút ngày càng lớn sự quan ngại. Biển ở đây không chỉ có vai trò quan trọng đối với các quốc gia ven biển, mà còn đối với các quốc gia có lợi ích an ninh và kinh tế ở châu Á. Chính sách của chúng tôi rất rõ ràng: việc duy trì ổn định, tự do hàng hải, phát triển kinh tế tự do, và không bị cản trở có một vai trò quan trọng. Chúng tôi không ủng hộ bất kỳ yêu sách về chủ quyền nào, nhưng *chúng tôi phản đối việc sử dụng vũ lực và những hành động cản trở tự do hàng hải. Chúng tôi phản đối bất kỳ nỗ lực nào gây sức ép lên các công ty của Mỹ hay bất cứ quốc gia nào tham gia vào các hoạt động kinh tế hợp pháp nơi đây.* Tất cả các bên phải cùng nhau làm việc nhằm giải quyết những khác biệt thông qua các nỗ lực đa phương, hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế. Tuyên bố về ứng xử năm 2002 là một bước đi quan trọng và chúng tôi hy

vọng rằng việc thực thi cụ thể tuyên bố này sẽ còn tiếp tục”⁵. Nói một cách ngắn gọn là Mỹ sẽ can thiệp nếu có bên nào “sử dụng vũ lực” để giải quyết tranh chấp, cản trở tự do hàng hải. Quan điểm của Mỹ về vấn đề Biển Đông thể hiện trong Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) tại Hà Nội, tháng 7-2010 đã gây phản ứng gay gắt của phía Trung Quốc. Có thể nói Trung Quốc có phần bất ngờ về thái độ của phía Mỹ. Trước đó, tháng 5-2009, trong chuyến thăm Philippin, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates nói rằng Mỹ không có “lập trường nào” về các yêu sách chủ quyền, ý nói Mỹ không đứng về bên nào trong tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Phát biểu của ông Gates được phía Trung Quốc rất tán thưởng, cho rằng như vậy là Mỹ đã chấp nhận đòi hỏi về tầm ảnh hưởng của Trung Quốc tại Biển Đông và Đông Nam Á nói chung. Nhưng thực ra đó là một sự hiểu nhầm, hoặc là một sự hiểu nhầm có dụng ý. Khi chuẩn bị cho Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), đại sứ quán Trung Quốc tại Washington đã yêu cầu Bộ Ngoại giao Mỹ không nêu vấn đề Biển Đông nhưng khi Diễn đàn được khai mạc tại Hà Nội (7-2010), Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã nêu vấn đề Biển Đông, và trong cuộc họp báo sau đó Bà đã nêu ba điểm về lập trường của Mỹ: *Một là*, Mỹ phản đối “Bất cứ bên yêu sách nào sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực”; *hai là*, Mỹ không đứng về bên nào trong cuộc tranh chấp lãnh thổ trên Biển Đông; *ba*

là, Mỹ đã “Chuẩn bị để tạo thuận lợi cho những sáng kiến và biện pháp xây dựng lòng tin” theo DOC năm 2002. Đại diện Trung Quốc rất bất ngờ về động thái này của phía Mỹ tại diễn đàn. Ngoại trưởng Trung Quốc Dương Khiết Trì “Rõ ràng đã bị kích động” và đã phản ứng “Với một tuyên bố gay gắt và bức xúc, cho rằng đây là kế hoạch vận động đã được chuẩn bị trước”. Ngoại trưởng Dương Khiết Trì đã rời bỏ cuộc họp với tâm trạng bức bối trong một tiếng đồng hồ, và khi quay lại ông đã đưa ra một bài phản bác dài 30 phút không chỉ công kích Mỹ mà công kích cả Việt Nam và Singapore, ý muốn nói Việt Nam và Singapore đã cùng Mỹ có kế hoạch vận động đưa vấn đề Biển Đông ra Diễn đàn ARF lần này.

Nhìn lại quan hệ Việt - Trung trong tranh chấp chủ quyền Biển Đông thời gian qua, chúng ta có thể thấy những thành tựu đã đạt được và những vấn đề tồn tại cần giải quyết.

- “Hiệp định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” (ký ngày 25-12-2000). Tuy gặp trở ngại trong quá trình soạn thảo (Nghị định thư) về hợp tác nghề cá (chủ yếu là vấn đề quy định số lượng tàu thuyền của hai bên được hoạt động đánh cá trong khu vực hợp tác) nhưng cuối cùng đã được Quốc hội hai nước phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 30-6-2004.

- Những cuộc đàm phán cấp chuyên viên giữa Trung Quốc và Việt Nam về các vấn đề trên biển tuy chưa đạt được kết quả mong muốn, nhưng sự tồn tại cơ chế đàm phán đó có tác dụng, có lợi cho sự duy trì cục diện ổn định trong quan hệ giữa hai nước trên Biển Đông.

- Giải quyết triệt để vấn đề tranh chấp chủ quyền Biển Đông bằng những giải pháp hai bên đều chấp nhận chắc chắn không thể thực hiện trong tương lai gần, do sự phức tạp của cuộc tranh chấp. Do vậy các bên, nhất là hai bên Trung - Việt, cần có những giải pháp tạm thời mà các bên có thể chấp nhận được trên nguyên tắc bảo đảm hòa bình ổn định, tạo điều kiện cho hợp tác phát triển, đồng thời tạo điều kiện về lâu dài để tiến tới những giải pháp giải quyết triệt để vấn đề thông qua con đường đàm phán hòa bình.

2. Nhìn lại hợp tác kinh tế Việt - Trung trên Biển Đông

Hợp tác kinh tế Việt - Trung trên Biển Đông có thể nói là bắt đầu từ “Hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” (ngày 25-12-2000). Hiệp định này đã đạt được qua đàm phán trong thời gian ngắn 5 tháng (so với thời gian Trung Quốc và Nhật Bản phải qua 5 năm đàm phán mới đạt được thỏa thuận về hợp tác nghề cá giữa hai nước), nhưng phải hơn 3 năm

sau Nghị định thư mới được hoàn tất và Hiệp định mới có hiệu lực.

Hiệp định hợp tác nghề cá Việt - Trung quy định hai bên thiết lập một Vùng đánh cá chung nằm dưới vĩ tuyến 20° N và có bề rộng khoảng 30 hải lý tính từ đường phân định ra hai bên. Hai bên cũng đồng ý có một vùng đệm cho tàu thuyền đánh cá loại nhỏ ở cửa sông Bắc Luân với bề rộng 3 hải lý tính từ đường phân định ra mỗi bên và chiều dài 10 hải lý. Hai bên đồng ý sẽ bàn về các giải pháp quá độ trong vòng 4 năm cho hoạt động nghề cá của mỗi bên trong vùng đặc quyền kinh tế của bên kia ở trên vĩ tuyến 20°N trên cơ sở Công ước 1982. Hai bên đồng ý tiến hành hiệp thương về việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở Vịnh Bắc Bộ cũng như những công việc hợp tác có liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế hai nước trong Vịnh Bắc Bộ. Thời gian Hiệp định có hiệu lực là 12 năm, và 3 năm mặc nhiên gia hạn. Hết thời hạn này, hai bên có thể tiếp tục hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ thông qua hiệp thương hữu nghị.

Trong những năm đầu thực thi Hiệp định, việc quản lý nghề cá của mỗi nước được triển khai trong tình hình mới cho thấy, sự phối hợp quản lý giữa hai bên chưa được chặt chẽ, nên đã dễ xảy ra một số vụ va chạm đáng tiếc. Từ năm 2008 tới nay tình hình đó đã bước đầu được cải thiện.

Năm 2004, Thủ tướng Phan Văn Khải và Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã khởi xướng kế hoạch Hợp tác kinh tế Việt - Trung theo mô hình “Hai hành lang, một vành đai”, mở ra một triển vọng mới cho hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước tại “Vành đai Vịnh Bắc Bộ”.

Vịnh Bắc Bộ là một bộ phận của Biển Đông. Ven bờ Vịnh Bắc Bộ có các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam của Trung Quốc, các tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An của Việt Nam. Các địa phương của Trung Quốc và Việt Nam nói trên có tài nguyên phong phú và điều kiện địa lý tự nhiên thuận lợi để phát triển. Nhưng kinh tế các địa phương đó nói chung vẫn còn lạc hậu, và nếu có sự liên kết lại thì sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để hợp tác với nhau, bổ sung cho nhau cùng phát triển. “Thông cáo chung Trung - Việt” nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ôn Gia Bảo (tháng 10-2005) và trong “Thông cáo chung Việt - Trung” nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (tháng 8-2006) đều nhấn mạnh ý nghĩa của hợp tác kinh tế Việt - Trung theo ý tưởng “Hai hành lang một vành đai”.

Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ có một vị trí thuận lợi: Nằm ở vùng giao nhau giữa Trung Quốc và ASEAN, có thể huy động được những nguồn lực rất to lớn và phong phú để phát triển, và có hệ thống giao thông trên biển kết hợp với trên bộ,

kết nối với nhau tạo điều kiện rất thuận lợi cho giao lưu kinh tế giữa các khu vực xung quanh.

Tháng 7-2006, tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ được tổ chức tại Nam Ninh, Bí thư Đảng uỷ Khu tự trị Quảng Tây - Lưu Kỳ Bảo đã đề xuất ý tưởng hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN theo mô hình “Một trục hai cánh”, trong đó “Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng” là một “cánh” có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Và như vậy, vấn đề đặt ra đối với Trung Quốc cũng như đối với Việt Nam là phải lồng ghép hợp tác kinh tế “vành đai Vịnh Bắc Bộ” giữa Trung Quốc và Việt Nam, với hợp tác kinh tế “Vịnh Bắc Bộ mở rộng trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN”.

Theo quan điểm của học giả Trung Quốc, “Hai hành lang một vành đai” là một bộ phận cấu thành quan trọng của “Một trục hai cánh”; vị trí của “Hai hành lang, một vành đai” trong “một trục hai cánh” là hết sức rõ rệt⁶. Từ đó có thể suy ra, đối với Trung Quốc hợp tác kinh tế “vành đai Vịnh Bắc Bộ” là một bộ phận cấu thành quan trọng, chiếm một vị trí không thể thay thế trong “Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng”. Đối với Việt Nam, hợp tác kinh tế “vành đai Vịnh Bắc Bộ” với Trung Quốc là rất cần thiết và có nhiều thuận lợi. Vịnh Bắc Bộ có diện tích hơn 126 ngàn cây số vuông, chiều ngang nơi rộng nhất là 310 km, nơi hẹp nhất của Vịnh là khoảng 207 km. Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ là

tuyến liên kết kinh tế giữa các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam của Trung Quốc với các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An... của Việt Nam. Sự hình thành vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ sẽ góp phần mở rộng các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước Việt - Trung trong các lĩnh vực kinh tế thương mại, đầu tư, du lịch, giao thông vận tải, và cả trong các lĩnh vực giao lưu văn hoá, bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên Vịnh Bắc Bộ.

Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc phát triển kinh tế quanh vùng Biển Đông, và do vậy phải hợp tác với các nước trong khu vực, trước hết là Việt Nam. Hợp tác kinh tế - thương mại Trung Quốc - ASEAN, đối với Trung Quốc có tầm quan trọng đặc biệt, trước hết là nhằm tạo ra cực tăng trưởng mới ở miền Nam Trung Quốc. Qua 20 năm đầu cải cách, mở cửa các khu vực ven biển: Tam giác Chu Giang, Tam giác Trường Giang, Vịnh Bột Hải của Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng. Tại phía Nam, đầu thập kỷ 90 (thế kỷ trước) quan hệ Trung - Việt mới bình thường hoá, đầu thế kỷ XXI, chủ quyền Vịnh Bắc Bộ mới được phân định, Vịnh Bắc Bộ bắt đầu có điều kiện phát triển muộn hơn các vùng duyên hải phía Bắc khoảng 10 năm. Trung Quốc tăng cường hợp tác kinh tế - thương mại với Việt Nam và ASEAN nói chung, đặc biệt là “Hợp tác kinh tế Vịnh

Bắc Bộ mở rộng” còn nhằm mục tiêu chiến lược “nhất thể hoá” kinh tế Trung Quốc - ASEAN và nhằm mục tiêu chính trị - an ninh đối với khu vực. Do vậy, các đối tác hợp tác của Trung Quốc trong khu vực “Vịnh Bắc Bộ mở rộng”, một mặt muốn tăng cường hợp tác - thương mại, một mặt lo ngại những hậu quả về chính trị an ninh. Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông “là vấn đề rất nhạy cảm. Nếu xử lý không khéo sẽ làm giảm sự tin cậy lẫn nhau, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước”⁷.

Ngoài quan hệ kinh tế - thương mại giữa các nước ven bờ “Vịnh Bắc Bộ mở rộng”, việc hợp tác khai thác nguồn tài nguyên giữa Trung Quốc với các nước trong khu vực có một ý nghĩa rất quan trọng. Tài nguyên biển ở Biển Đông chủ yếu là dầu khí và hải sản.

Biển Đông được hình thành từ sự vận động phức tạp của các tầng địa chất ở các khu vực xung quanh, dẫn đến sự hình thành lưu vực trầm tích và sự phân bố các nguồn tài nguyên dầu và khí đốt, mặc dù các dự đoán về trữ lượng dầu khí ở đây rất khác nhau, thậm chí có ý kiến cho rằng Biển Đông có trữ lượng dầu khí có thể so sánh với cả khu vực Trung Đông. Nhưng một sự thật rõ ràng là Trung Quốc và các nước Đông Nam Á đang có một nhu cầu sử dụng dầu khí ngày càng tăng với mức độ rất lớn. Theo tài liệu của Cục Thông tin Năng lượng Mỹ thì nhu cầu về dầu mỏ của các quốc gia ven bờ Biển Đông là 15,1 triệu

thùng/ngày năm 2002, và sẽ tăng lên 33,6 triệu thùng/ ngày vào năm 2025⁸. Khai thác nguồn dầu khí Biển Đông là động lực quan trọng thôi thúc các nước trong khu vực tranh chấp chủ quyền ở đây. Nhưng vấn đề chủ quyền còn lâu mới có thể giải quyết được, trong khi đó “cơn khát” của Trung Quốc và các nước có liên quan về dầu mỏ và khí đốt đang ngày càng bức xúc. Một giải pháp tạm thời để “cùng nhau khai thác” là cần thiết. Nhưng khó khăn không thể vượt qua là “cùng khai thác” ở chỗ nào. Về nguyên tắc, các bên chỉ có thể “cùng khai thác” ở các vùng biển cùng tranh chấp. Nhưng trong thực tế, một số vùng nước này cho là thuộc chủ quyền của mình thì nước kia lại cho là vùng tranh chấp. Do đó, phương châm “tạm gác tranh chấp, cùng nhau khai thác” do Trung Quốc đề ra là khó thực hiện có hiệu quả. Thực tế đã diễn ra trong việc tiến hành thăm dò địa chấn biển chung ba bên ở Biển Đông giữa Tập đoàn Dầu khí Xa bờ quốc gia Trung Quốc (CNOOC), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrol Vietnam) và Công ty Dầu khí Quốc gia Philippin (PNOC) từ năm 2005 đến năm 2008 là một minh chứng. Trung Quốc đưa ra phương châm “gác tranh chấp, cùng khai thác”, nhưng dưới tiền đề là “chủ quyền thuộc Trung Quốc”.

Hợp tác nghề cá ở Biển Đông cũng không tránh khỏi tác động của tranh chấp chủ quyền. Biển Đông được coi là một trong những vùng biển có nguồn tài

nguyên hải sản thương mại dồi dào và quan trọng hàng đầu thế giới với 2500 loài hải sản biển và 500 loài san hô. Tổng lượng hải sản hàng năm ở Biển Đông là trên 8 triệu tấn, chiếm khoảng 10% tổng lượng hải sản đánh bắt của toàn thế giới. Trong khi tại Vịnh Bắc Bộ đã có sự phân định chủ quyền làm cơ sở cho hợp tác nghề cá giữa Trung Quốc và Việt Nam, thì tại vùng còn lại của Biển Đông tranh chấp chủ quyền đã gây trở ngại nghiêm trọng cho hoạt động khai thác hải sản của các quốc gia, đặc biệt là gây nguy hại cho ngư dân Việt Nam đánh bắt cá tại các vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa. Trung Quốc tùy tiện bắt giữ các tàu đánh cá Việt Nam, thậm chí bắn giết ngư dân Việt Nam (sự kiện 2005), đơn phương tuyên bố lệnh cấm đánh cá ở một số khu vực ở Biển Đông trong thời hạn do Trung Quốc quy định (Lệnh cấm đánh bắt cá đơn phương của Trung Quốc năm 2010 được áp đặt trong 10 tuần từ tháng 5 đến hết tháng 7). Trung Quốc đã đưa tàu Ngư chính 311 và tàu Ngư chính 202 hoạt động kề bên tàu đánh cá Trung Quốc với lý do để bảo vệ (các tàu này với vỏ bọc ngoài là tàu tuần tra đánh bắt cá, nhưng thực chất là tàu của hải quân).

Trong tình trạng nói trên, hợp tác Việt - Trung 10 năm qua trong khai thác tài nguyên Biển Đông là rất hạn chế, và sự hợp tác đó chỉ có thể được cải thiện với điều kiện cải thiện tình hình căng thẳng về an ninh trên Biển Đông.

Tóm lại, tranh chấp Biển Đông đã diễn ra từ đầu thế kỷ XX, nhưng trở nên gay gắt và phức tạp hơn từ khoảng nửa thế kỷ trở lại đây, khi tranh chấp chủ quyền đảo gắn liền với sự phát triển của Luật Biển quốc tế (từ các Công ước Giơnevơ năm 1958 đến Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982) cùng với sự phát triển những mỏ dầu nằm dưới đáy Biển Đông và tầm quan trọng của Biển Đông trong giao thương quốc tế. Nhìn từ góc độ địa - chiến lược và kinh tế, Biển Đông là vùng biển nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, với nhiều tuyến hàng hải quan trọng, cung cấp từ 70 - 80% lượng dầu mỏ nhập từ Trung Đông cho các nước có nền công nghiệp hiện đại: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Các nước ASEAN có vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế (năm 2008 kim ngạch thương mại giữa ASEAN với Mỹ là 181 tỷ USD, với Nhật là 212 tỷ USD, với Trung Quốc là 198 tỷ USD). Do vậy, Biển Đông không chỉ tồn tại vấn đề tranh chấp hải đảo và vùng biển giữa Việt Nam, Malaixia, Philipin, Brunei với Trung Quốc và Đài Loan mà còn tồn tại vấn đề cạnh tranh địa - chiến lược giữa các cường quốc có lợi ích tại khu vực, chủ yếu là giữa Mỹ và Trung Quốc.

Trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI, vấn đề Biển Đông có vai trò quan trọng hàng đầu. Quan hệ Trung - Việt trong vấn đề Biển Đông có hai mặt: Tranh chấp hải đảo, vùng biển và Hợp tác kinh tế thương

mại. Về tranh chấp hải đảo, vùng biển thì trong những năm qua đã thực hiện Hiệp định phân giới Vịnh Bắc bộ và Hợp tác nghề cá; đàm phán cấp chuyên viên về các vấn đề liên quan Biển Đông. Về Hợp tác kinh tế thương mại những năm qua đã thực hiện Hợp tác kinh tế “vành đai Vịnh Bắc bộ” và trao đổi về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc bộ mở rộng” trong khuôn khổ Hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN.

Toàn bộ chính sách và hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông trong thời gian qua và hiện nay nhằm thực hiện ba mục tiêu chủ yếu: Thâm nhập kinh tế - chính trị vào các nước Đông Nam Á; khai thác tài nguyên Biển Đông; và tăng cường an ninh cho Trung Quốc. Quan hệ Trung - Việt trong vấn đề Biển Đông chịu tác động mạnh mẽ trước những mục tiêu chiến lược đó của Trung Quốc.

“Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng” (nói cách khác là hợp tác kinh tế các nước ven bờ Biển Đông) là một phần của Hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN theo mô hình “Một trục hai cánh”. Thông qua hợp tác và viện trợ kinh tế, Trung Quốc hy vọng sẽ tăng cường ảnh hưởng chính trị đối với các nước Đông Nam Á. Kim ngạch thương mại Trung Quốc - ASEAN đã tăng từ 8 tỷ USD năm 1991, đến 231 tỷ USD năm 2008, vượt xa kim ngạch thương mại Mỹ - ASEAN năm 2008 là 172 tỷ USD.

Biển Đông có nguồn tài nguyên phong phú, nhất là dầu khí và hải sản. Dầu khí là nhu cầu quan trọng và bức xúc hàng

dầu của Trung Quốc hiện nay và trong tương lai. Việc thăm dò và khai thác dầu khí xa bờ và ở tầng nước sâu ở Biển Đông đang là mục tiêu của Tập đoàn Dầu khí Xa bờ Quốc gia Trung Quốc (CNOOC). Trung Quốc cũng đặc biệt quan tâm khai thác nguồn thuỷ sản, bảo vệ và tăng cường hoạt động đánh cá trên Biển Đông.

Về phương diện an ninh, Biển Đông vừa được coi là lá chắn bảo vệ an ninh cho Trung Quốc ở hướng Nam, vừa là cửa ngõ về mặt biển để Trung Quốc tiến qua Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương sang Trung Đông và châu Phi. Biển Đông được Trung Quốc đặt vào địa bàn phải kiểm soát về quân sự, nhằm loại trừ mối đe dọa từ bên ngoài. Các căn cứ quân sự ở phía Nam lục địa Trung Quốc, được nối kết với các căn cứ quân sự trên Biển Đông và ven bờ Ấn Độ Dương, hình thành “chuỗi hạt trai” các cứ điểm quân sự vòng qua Trung Đông.

Trong tương lai gần, khoảng 10 năm tới, tình hình Biển Đông có khả năng chưa bùng nổ chiến tranh giữa Trung Quốc và Mỹ, cũng như chưa có khả năng có xung đột quân sự lớn giữa Mỹ và các đồng minh tại Đông Nam Á với Trung Quốc. Từ nay đến năm 2020 Trung Quốc sẽ tích cực lợi dụng bối cảnh quốc tế và khu vực hoà bình ổn định, triệt để phát huy lợi thế của “thời cơ phát triển chiến lược”. Trung Quốc sẽ kết hợp “cương nhu” trong chiến lược đối ngoại. Trong khi đó Mỹ cũng không muốn và không đủ sức gây chiến ở Biển Đông. Quan hệ

Việt - Trung trong vấn đề Biển Đông không tách rời bối cảnh quốc tế và khu vực đó.

Tuy nhiên, mục tiêu chiến lược của Trung Quốc đối với Biển Đông vẫn không thay đổi, mặc dù thời cơ có thể có sự điều chỉnh về sách lược. Do vậy, trong thời gian tới, vẫn chưa có khả năng Trung Quốc chấp nhận đàm phán hoà bình để giải quyết căn bản vấn đề tranh chấp Biển Đông bằng những giải pháp các bên đều có thể chấp nhận.

Do vậy, trong tương lai gần ít có khả năng Trung Quốc sử dụng vũ lực tấn công đánh chiếm các đảo Trường Sa. Khả năng lớn nhất là Trung Quốc sẽ xây dựng một căn cứ quân sự mạnh ở Trường Sa, nối liền với chuỗi căn cứ quân sự khác từ Hải Nam, qua Biển Đông, ven bờ Ấn Độ Dương, tới Trung Đông, để tính chuyện lâu dài. Trước mắt, Trung Quốc vẫn tiếp tục “chính sách láng giềng thân thiện” với ASEAN, đồng thời tăng cường lực lượng quân sự ở Biển Đông, vừa hợp tác vừa cạnh tranh khai thác tài nguyên Biển Đông. Đối với Việt Nam, Trung Quốc sẽ ngày càng nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của Việt Nam trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN. Trung Quốc sẽ tận dụng mọi cơ hội để cải thiện quan hệ Trung - Việt theo chiều hướng có lợi cho Trung Quốc trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN và trong quan hệ Trung - Mỹ, đồng thời Trung Quốc sẽ duy trì sức ép đủ để Việt Nam không đi ngược lại lợi ích của Trung

Quốc trong khu vực, nhất là không xích lại gần Mỹ để chống Trung Quốc.

Trong bối cảnh trên, hơn bao giờ hết Việt Nam cần quán triệt đường lối đối ngoại “hoà bình, độc lập tự chủ”, kiên quyết trong bảo vệ lợi ích dân tộc, mềm dẻo trong sách lược ngoại giao. Về vấn đề Biển Đông, giải pháp của Việt Nam là xử lý các tình huống hòa bình theo đúng luật pháp quốc tế, tuân thủ triệt để Công ước về Luật biển 1982 của Liên hợp quốc, thực thi nghiêm túc Tuyên bố về ứng xử giữa các bên về Biển Đông (DOC) và nguyên tắc kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trong khi vẫn giữ hòa bình và ổn định ở Biển Đông. Vấn đề song phương giải quyết theo cơ chế song phương, vấn đề đa phương giải quyết theo cơ chế đa phương, vấn đề khu vực giải quyết theo cơ chế khu vực, vấn đề quốc tế giải quyết theo cơ chế quốc tế. Lập trường đó không chỉ đúng hướng mà còn có tính khả thi. Điều quan trọng là chúng ta có sự thống nhất nội bộ về đường lối, chính sách trong vấn đề Biển Đông và trong quan hệ với các đối tác có liên quan. Trong bài phát biểu tại Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa, nhân Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nói: “Việc xử lý các vấn đề nảy sinh ở Biển Đông cần đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và trong chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế; không để các thế lực phản động tìm cách lợi dụng, công kích chống phá sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, xuyên tạc chia rẽ

quan hệ quốc tế giữa nước ta và các nước liên quan”. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định: “Nhân dân Việt Nam có đủ ý chí quyết tâm và sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để giữ gìn, bảo vệ các vùng biển và hải đảo của mình”./.

CHÚ THÍCH:

¹ Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea ([http:// www. asean sec. org. /13163.htm/](http://www.aseansec.org/13163.htm/)

² “Adiplomatic viclong for China” South China Mòning Post 31/ 10/ 2009

³ Carlyle A Thayer “Những diễn biến gần đây ở Biển Đông - Tác động đối với an ninh và thịnh vượng ở khu vực. Tham luận tại Hội thảo quốc tế lần thứ 2 “Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực”. TP.HCM ngày 11-12/11/2010

⁴ TTX Việt Nam (Giacácta 24/11/2010) trích từ tờ “Bưu điện Giacácta”.

⁵ Robert M.Gates: “Strengthening Securily Partnerships in the Asia - Pacific” Phát biểu tại Hội nghị cao cấp An ninh Châu Á lần thứ 9 - Đối thoại Shangri - la, Singapore, 5/6/2010.

⁶ Vi Thụ Tiên: “Một trục hai cánh” và “Hai hành lang, một vành đai”. Kỷ yếu Hội thảo “Phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Việt - Trung trong khuôn khổ Hợp tác Asean - Trung Quốc”, Nxb Khoa học Xã hội, 2007, tr 61 - 62.

⁷ Lê Văn Sang - Nguyễn Minh Hằng: “Làm gì để nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong thời đại kinh tế toàn cầu hoá”. Kỷ yếu hội thảo “Phát triển Hai hành lang một vành đai kinh tế Việt - Trung trong khuôn khổ hợp tác Asean - Trung Quốc. SDD. Tr 275.

⁸ <http://www.cia.doc.gov/emcu/cabs/south China Sea/ Back ground.html>

